

Bản án số: 111/2021/HS-PT

Ngày: 23 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Hoài
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Bình
Ông Đặng Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 107/2021/TLPT-HS ngày 24 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Minh Hoàng D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2021/HS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố BL.

Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Minh Hoàng D, sinh năm 1971 tại Lâm Đồng; nơi ĐKKTT và cư trú: Thôn TT, xã LC, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T (đã chết) và bà Trần Thị Đ (đã chết); có 06 anh em, lớn nhất sinh năm 1958, nhỏ nhất sinh năm 1974, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; vợ Vũ Thị Quỳnh H, sinh năm 1974; con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2005, hiện đều sinh sống tại xã LC, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Thanh D1 – Văn phòng luật sư Phước Toàn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị hại: Bà Ka L, sinh năm 1966; trú tại: Thôn 1, xã LT, huyện BL1, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông K' Br, sinh năm 1934 và vợ là bà Ka L1 sinh năm 1937; Trú tại: Thôn 1, xã LT, huyện BL1, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Ka L, sinh năm 1966, HKTT: Thôn 1, xã LT, huyện BL1, tỉnh Lâm Đồng có quan hệ tình cảm và sống chung như vợ chồng với Nguyễn Minh Hoàng D từ năm 2003 đến tháng 03/2020 tại thôn 1, xã LT, huyện BL1. Năm 2012, bố mẹ bà Ka L ông K'Br và bà Ka L1 từ Mỹ trở về sinh sống cùng với bà Ka L và D. Đến năm 2015 ông K'Br cho riêng bà Ka L được toàn quyền sử dụng 01 thẻ Visa quốc tế số 4744730119806227 của Ngân hàng Bank of America của ông và mật khẩu để bà Ka L rút tiền trợ cấp hàng tháng khoảng 990 USD/tháng. Sau khi biết bà Ka L được sở hữu riêng đối với chiếc thẻ này nên D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trong tài khoản thẻ nêu trên. Thực hiện ý định D đã dẫn bà Ka L đến trước trụ ATM của ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB), phường 1, thành phố BL và nói với bà Ka L là trước khi rút tiền phải thực hiện 02 thao tác sau: bà Ka L phải đưa mặt trước bản chứng minh nhân dân bản chính của bà Ka L ra trước camera trong trụ ATM và bà Ka L phải ấn vân tay của ngón tay trỏ hoặc ngón tay trái của bàn tay phải hoặc tay trái vào camera trong trụ ATM. Khi bà Ka L thực hiện xong thì D mới nhét thẻ ATM vào khe nhét thẻ của máy ATM để thực hiện thao tác rút tiền (trên thực tế thì không cần thực hiện hai thao tác này mà vẫn rút được tiền). Đồng thời D nói dối với bà Ka L là mỗi lần rút tối đa chỉ được số tiền từ 11.000.000đ đến 14.000.000đ (thực tế số tiền mỗi lần rút là được từ 19.000.000đ đến 20.000.000đ).

Sau khi thực hiện thao tác rút tiền cho bà Ka L tổng số tiền từng lần rút là 13.000.000đ, D đưa số tiền này cho bà Ka L giữ, còn D vẫn giữ thẻ ATM, sau đó D chở bà Ka L đi chợ hoặc đi mua đồ, lợi dụng thời điểm này thì D lấy lý do đi đâu đó để quay lại trụ ATM nói trên và nhiều lần lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền dư còn lại trong thẻ ATM của bà Ka L. Quá trình điều tra đến nay xác định được trong khoảng thời gian từ ngày 03/6/2018 đến ngày 03/4/2020 Nguyễn Minh Hoàng D đã lén lút thực hiện hành vi rút tiền từ tài khoản thẻ của bà Ka L 108 lần với tổng số tiền là 272.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi hai triệu đồng*), (Có bảng kê kèm theo). Số tiền chiếm đoạt được thì D đã dùng để tiêu xài cá nhân, chi phí sinh hoạt trong gia đình và trả tiền lãi ngân hàng hết. Đến ngày 18/04/2020, bà Ka L phát hiện trong thẻ Visa không còn tiền nên đã hỏi D, D đã thừa nhận hành vi lén lút rút tiền trong thẻ Visa của bà Ka L nên bà Ka L đã trình báo sự việc với cơ quan điều tra.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra sự việc D đã tự nguyện bồi thường cho bà Ka L số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng). Hiện nay bà Ka L yêu cầu D phải bồi thường thêm số tiền là 252.000.000đ.

Tại cáo trạng số 44/CT-VKSBL ngày 26/03/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BL truy tố bị cáo Nguyễn Minh Hoàng D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2021/HS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố BL đã xử;

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Hoàng D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Hoàng D 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2/ *Về vật chứng:* Căn cứ Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giữ lưu hồ sơ 02 đĩa CD đã niêm phong.

3/ *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, 589, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo D phải bồi thường cho bà Ka L số tiền là 252.000.000đ (hai trăm năm mươi hai triệu đồng).

4/ *Về án phí:* Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Minh Hoàng D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; án phí dân sự sơ thẩm là 12.600.000đ (mười hai ngàn sáu trăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của bị cáo.

* Ngày 17/5/2021 bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng bị cáo không phạm tội trộm cắp tài sản

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Bị cáo thừa nhận từ năm 2018 đến năm 2020 bị cáo có rút tiền trong thẻ ATM của bị hại khi không được sự đồng ý của bị hại với số tiền hơn 270.000.000đ như bản án sơ thẩm quy kết là đúng; tuy nhiên sau khi rút tiền thì bị cáo đã dùng số tiền này trả tiền xe cho bị hại khi bị hại mua 02 xe ô tô trả góp (xe ô tô Toyota Innova và xe ô tô Toyota Fortuner) mà chưa trả hết tiền. Bị cáo xuất trình 10 chứng từ nộp tiền qua Ngân hàng chứng minh bị cáo nộp tiền thay cho bị hại Ka L để thanh toán tiền mua xe ô tô Toyota Innova là khoảng hơn 120.000.000đ và bị cáo vay của người khác để thanh toán tiền mua xe ô tô Toyota Fortuner là 170.000.000đ và cho biết thêm, các chứng từ nộp tiền qua Ngân hàng này bị cáo đã trình bày tại giai đoạn điều tra nhưng không được Cơ quan điều tra thành phố BL điều tra làm rõ; tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, bị cáo

cũng nộp các chứng cứ này nhưng Tòa án nhân dân thành phố BL không chấp nhận.

Bị hại khai tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng bị cáo đã giữ thẻ ATM của bị hại và tự ý rút số tiền 272.000.000đ khi không được sự đồng ý của bị hại, như bản án sơ thẩm quy kết là đúng. Đối với việc bị cáo khai rằng, sau khi rút tiền thì bị cáo đã dùng số tiền này trả tiền xe cho bị hại khi bị hại mua 02 xe ô tô trả góp mà chưa trả hết tiền (xe ô tô Toyota Innova và xe ô tô Toyota Fortuner) là không đúng, vì tiền trả hàng tháng để thanh toán cho việc bị hại mua chiếc xe ô tô Toyota Innova thì bị hại đưa tiền và nhờ bị cáo đóng giùm qua Ngân hàng; đối với 02 chứng từ chuyển tiền 150.000.000đ và 20.000.000đ thì bị hại không biết và không đưa số tiền này cho bị cáo và cho biết chiếc xe ô tô Toyota Fortuner thì bị hại đã trả xong tiền cho Ngân hàng nên bị hại không đưa khoản tiền nói trên cho bị cáo để trả thay cho bị hại; bị hại cho rằng các chứng từ chuyển tiền 150.000.000đ và 20.000.000đ là do bị cáo làm giả chứ hoàn toàn không có thật.

Bị hại cũng trình bày, việc bị hại đưa tiền và nhờ bị cáo đóng giùm qua Ngân hàng để thanh toán tiền mua xe ô tô Toyota Innova thì bị hại không có chứng cứ gì, vì hai người sống chung nên khi đưa tiền nhờ bị cáo chuyển qua Ngân hàng hai bên không lập giấy tờ gì cả. Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 272.000.000đ của bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến: Cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng tính chất hành vi của bị cáo. Cơ quan điều tra chứng minh được bị cáo có hành vi lén lút rút 108 lần, tổng số tiền 272 triệu. Tuy nhiên, bị cáo có cung cấp 10 chứng từ, trong đó có 2 chứng từ với số tiền 170 triệu bị cáo nộp để mua xe Fortuner, bà Ka L không biết gì về số tiền này, khẳng định không đưa tiền cho bị cáo. Cơ quan điều tra và cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ số tiền thực tế chiếm đoạt của bị hại là thiếu sót. Vì vậy, đề nghị căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại cho đúng quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát. Hiện các chứng cứ chưa được điều tra làm rõ về số tiền bị cáo chiếm đoạt. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn tố cáo của bị hại bà Ka L, trong khoảng thời gian từ ngày 03/6/2018 đến ngày 03/4/2020 Nguyễn Minh Hoàng D đã lén lút thực hiện hành vi rút tiền từ tài khoản thẻ ATM của bà Ka L 108 lần để lấy số tiền tổng cộng là

272.000.000đ. Bị cáo D kháng cáo kêu oan cho rằng không trộm cắp tài sản của bà Ka L.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận mình có rút tiền trong tài khoản thẻ ATM của bị hại khi không được sự đồng ý của bị hại với số tiền hơn 270.000.000đ như bản án sơ thẩm quy kết là đúng.

[3] Sau khi rút tiền thì bị cáo đã dùng số tiền này trả tiền xe cho bị hại khi bị hại mua 02 xe ô tô trả góp (xe ô tô Toyota Innova và xe ô tô Toyota Fortuner) mà chưa trả hết tiền. Bị cáo xuất trình 10 chứng từ nộp tiền qua Ngân hàng chứng minh bị cáo nộp tiền thay cho bị hại Ka L để thanh toán tiền mua xe ô tô Toyota Innova là khoảng hơn 120.000.000đ; thanh toán tiền mua xe ô tô Toyota Fortuner là 170.000.000đ và cho biết thêm, các chứng từ nộp tiền qua Ngân hàng này bị cáo đã trình bày tại giai đoạn điều tra nhưng không được Cơ quan điều tra thành phố BL điều tra làm rõ; tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, bị cáo cũng nộp các chứng cứ này nhưng Tòa án nhân dân thành phố BL không chấp nhận.

[4] Bị hại khai tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng bị cáo đã giữ thẻ ATM của bị hại và tự ý rút số tiền 272.000.000đ khi không được sự đồng ý của bị hại, như bản án sơ thẩm quy kết là đúng. Đối với việc bị cáo khai rằng, sau khi rút tiền thì bị cáo đã dùng số tiền này trả tiền xe cho bị hại khi bị hại mua 02 xe ô tô trả góp mà chưa trả hết tiền (xe ô tô Toyota Innova và xe ô tô Toyota Fortuner) là không đúng, vì tiền trả hàng tháng để thanh toán cho việc bị hại mua chiếc xe ô tô Toyota Innova thì bị hại đưa tiền và nhờ bị cáo đóng giùm qua Ngân hàng; đối với 02 chứng từ chuyển tiền 150.000.000đ và 20.000.000đ thì bị hại không biết và không đưa số tiền này cho bị cáo và cho biết chiếc xe ô tô Toyota Fortuner thì bị hại đã trả xong tiền cho Ngân hàng nên bị hại không đưa khoản tiền nói trên cho bị cáo để trả thay cho bị hại; bị hại cho rằng các chứng từ chuyển tiền 150.000.000đ và 20.000.000đ là do bị cáo làm giả chứ hoàn toàn không có thật.

Bị hại cũng trình bày, việc bị hại đưa tiền và nhờ bị cáo đóng giùm qua Ngân hàng để thanh toán tiền mua xe ô tô Toyota Innova thì bị hại không có chứng cứ gì, vì hai người sống chung nên khi đưa tiền nhờ bị cáo chuyển qua Ngân hàng hai bên không lập giấy tờ gì cả.

[5] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, quá trình tranh tụng tại phiên tòa thì thấy rằng: Việc bị cáo kháng cáo kêu oan là không có cơ sở chấp nhận. Hành vi lén lút rút tiền trong tài khoản thẻ ATM của bị hại khi không được sự đồng ý của bị hại đã rõ. Tuy nhiên, lời khai của bị hại và bị cáo phát sinh nhiều mâu thuẫn trong việc xác định ai là người nắm giữ thẻ ATM. Bị cáo khai bị hại là người đưa thẻ ATM cho bị cáo đi rút khi cả hai cùng đi; còn khi một mình bị cáo đi rút thì bị hại không biết.

Bị hại không thừa nhận lời khai trên và cho rằng bị cáo luôn giữ thẻ ATM bỏ trong ví của bị cáo từ năm 2018, bị hại không lấy lại thẻ vì bị hại không biết dùng và do tin tưởng việc bị cáo nói phải có mặt bị hại thì thẻ ATM mới cho rút tiền. Đến tháng 4/2020 do nghi ngờ nên bị hại mới lấy lại thẻ. Tuy nhiên, lời khai này của bị hại lại mâu thuẫn với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm khi bị hại trình bày bị hại cất thẻ ATM trong tủ riêng. Bị cáo lén lút lấy thẻ để tự đi rút.

Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, bị cáo có xuất trình 10 Giấy nộp tiền với nội dung người nộp là Nguyễn Minh Hoàng D, nộp vào số tài khoản của bà Ka L tại Ngân hàng PVCombank HCM (BL420-429), với tổng số tiền đã nộp là 273.300.000đ. Bị cáo cho rằng đây là chứng cứ chứng minh việc mình rút số tiền 272.000.000đ từ thẻ ATM của Ka L nhưng không dùng cho mục đích cá nhân của bị cáo mà để trả tiền góp mua xe ô tô Innova và Fortuner đứng tên bà Ka L từ tháng 4/2018 đến tháng 3/2020; trong đó có 02 giấy nộp, bút lục 428-429 có tổng số tiền là 170.000.000đ liên quan đến việc bị hại mua xe ô tô Fortuner. Bị cáo khai số tiền này là bị cáo đi mượn của người khác để trả tiền xe cho bị hại, không liên quan đến việc bị cáo rút tiền trong tài khoản thẻ ATM của bị hại. Bị hại không thừa nhận và cho rằng bị hại đưa tiền cho bị cáo để trả hết toàn bộ tiền mua xe này. Đối với 02 chứng từ chuyển tiền 150.000.000đ và 20.000.000đ thì bị hại không biết và không đưa số tiền này cho bị cáo và cho biết chiếc xe ô tô Toyota Fortuner thì bị hại đã trả xong tiền cho Ngân hàng nên bị hại không đưa khoản tiền nói trên cho bị cáo để trả thay cho bị hại; bị hại cho rằng các chứng từ chuyển tiền 150.000.000đ và 20.000.000đ là do bị cáo làm giả chứ hoàn toàn không có thật.

Bị hại cũng trình bày, việc bị hại đưa tiền và nhờ bị cáo đóng giùm qua Ngân hàng để thanh toán tiền mua xe ô tô Toyota Innova thì bị hại không có chứng cứ gì, vì hai người sống chung nên khi đưa tiền nhờ bị cáo chuyển qua Ngân hàng hai bên không lập giấy tờ gì cả.

Xét thấy, có những mâu thuẫn trong lời khai giữa bị cáo và bị hại, đồng thời sau khi nhận được tài liệu, chứng cứ mới do bị cáo cung cấp, cấp sơ thẩm cũng không điều tra bổ sung để làm sáng tỏ các chứng cứ nêu trên. Qua lời khai và chứng cứ do bị cáo cung cấp, số tiền 170 triệu đồng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Ngoài ra, bị cáo khai sau khi rút tiền từ thẻ ATM của bị hại mỗi lần 2-3 triệu đồng nhưng bị cáo lại nộp thay cho bị hại hơn 10 triệu đồng thì lời khai này chưa đủ cơ sở để chấp nhận hay bác bỏ. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bà Ka L mua xe ô tô tự đứng tên mình, nghĩa vụ trả tiền thuộc về chủ xe chứ không phải của bị cáo nhưng chứng cứ do bị cáo cung cấp thì bị cáo mới là người nộp tiền cho bị hại để trả tiền mua xe. Việc cấp sơ thẩm tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự là không đúng theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Những sai phạm trên không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm, do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và Luật sư bào chữa, hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra Công an thành phố BL tiến hành điều tra những vấn đề nêu trên, đồng thời điều tra xác minh, đối chất giữa bị cáo và bị hại để làm rõ số tiền thực tế bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là bao nhiêu? Ngoài số tiền 170 triệu đồng thì sau khi chiếm đoạt số tiền còn lại của bị hại, bị cáo đã sử dụng tiêu xài cá nhân bao nhiêu và có dùng số tiền này trả thay cho bị hại khi bị hại mua xe ô tô hay không?

[6] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 59/2021/HS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố BL đã xét xử bị cáo Nguyễn Minh Hoàng D về tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra Công an thành phố BL tiến hành điều tra lại theo thủ tục chung.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh Hoàng D không phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND Tp. BL (02);
- VKSND Tp. BL(01);
- CSĐT CA Tp. BL(01);
- THAHS CA Tp. BL(01);
- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- Luật sư (01);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Hoài